

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách
cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 36/TTr-SGTVT ngày 18/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục mạng lưới 41 tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Yên Bái (Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải công bố, công khai và triển khai thực hiện Danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CVP, Phó CVP UBND tỉnh (Đ/c Hùng);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Đ/c Nam), NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
NGUYỄN THẾ PHƯỚC



Nguyễn Thế Phước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Yên Bái, ngày tháng 5 năm 2022

PHỤ LỤC

Danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Yên Bái
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~848~~ **848**/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Mã số tuyến	Huyện, thị, thành phố nơi đi/đến	Huyện, thị, thành phố nơi đi/đến	Bến xe nơi đi/đến	Bến xe nơi đi/đến	Hành trình chạy xe chính	Cự ly tuyến	Lưu lượng (chuyến/tháng)
1	2121.1112.A	TP Yên Bái	Lục Yên	Yên Bái	Lục Yên	BX Yên Bái - QL 37 - QL 70 - Đường tỉnh 171 - BX Lục Yên	92	450
2	2121.1112.B	TP Yên Bái	Lục Yên	Yên Bái	Lục Yên	(B): BX Yên Bái - QL 37 - Đường tỉnh 170 (Yên Thế - Vĩnh Kiên) - BX Lục Yên	110	150
3	2121.1120.A	TP Yên Bái	Lục Yên	Yên Bái	Xuân Long	BX Yên Bái - QL 37 - QL 70 - Đường tỉnh 171 - BX Lục Yên - Đường tỉnh 170 - UBND xã Xuân Long	110	60
4	2121.1114.A	TP Yên Bái	Văn Yên	Yên Bái	Mậu A	BX Yên Bái - Đường tỉnh 163 - BX Mậu A	40	60
5	2121.1125.A	TP Yên Bái	Văn Yên	Yên Bái	Phong Dụ Thượng	BX Yên Bái - Đường tỉnh 163 - UBND xã Phong Dụ Thượng	80	150
6	2121.1123.A	TP Yên Bái	Văn Yên	Yên Bái	Lang Khay	BX Yên Bái - Đường tỉnh 163 - UBND xã Lang Khay	80	150

7	2121.1124.A	TP Yên Bái	Văn Yên	Yên Bái	Lang Thíp	BX Yên Bái - Đường tỉnh 163 - UBND xã Lang Thíp	90	60
8	2121.1141.A	TP Yên Bái	Văn Yên	Yên Bái	Châu Quế Thượng	BX Yên Bái - Đường tỉnh 163 - UBND xã Châu Quế Thượng	80	150
9	2121.1126.A	TP Yên Bái	Văn Yên	Yên Bái	An Bình	BX Yên Bái - Đường tỉnh 163 - UBND xã An Bình	56	120
10	2121.1127.A	TP Yên Bái	Văn Yên	Yên Bái	Đại Sơn	BX Yên Bái - Đường tỉnh 163 - UBND xã Đại Sơn	55	60
11	2121.1128.A	TP Yên Bái	Văn Yên	Yên Bái	Mỏ Vàng	BX Yên Bái - Đường tỉnh 163 - UBND xã Mỏ Vàng	70	60
12	2121.1129.A	TP Yên Bái	Văn Yên	Yên Bái	An Thịnh	BX Yên Bái - Đường tỉnh 166 - UBND xã An Thịnh	46	60
13	2121.1113.A	TP Yên Bái	Nghĩa Lộ	Yên Bái	Nghĩa Lộ	BX Yên Bái - QL 37 - QL 32 - BX Nghĩa Lộ	83	570
14	2121.1118.A	TP Yên Bái	Mù Cang Chải	Yên Bái	Mù Cang Chải	BX Yên Bái - QL 37 - QL 32 - BX Mùa Cang Chải	183	240
15	2121.1119.A	TP Yên Bái	Trạm Tấu	Yên Bái	Trạm Tấu	BX Yên Bái - QL 37 - QL 32 - Đường tỉnh 174 - Thị trấn Trạm Tấu	110	180
16	2121.1135.A	TP Yên Bái	Văn Chấn	Yên Bái	Thượng Bằng La	BX Yên Bái - QL 37 - QL 32 - QL 37 - UBND xã Thượng Bằng La	70	60
17	2121.1135.B	TP Yên Bái	Văn Chấn	Yên Bái	Thượng Bằng La	BX Yên Bái - QL 37 - Hợp Minh - Đường tỉnh 173 - Vân Hội - Đại Lịch - Chợ Chùa - Bình Thuận - Nghĩa Tâm - Minh An - UBND xã Thượng Bằng La	65	60

18	2121.1136.A	TP Yên Bái	Văn Chấn	Yên Bái	Bình Thuận	BX Yên Bái - QL 37 - QL 32 - Đường tỉnh 173 - UBND xã Bình Thuận	70	60
19	2121.1144.A	TP Yên Bái	Văn Chấn	Yên Bái	Chợ Chùa	BX Yên Bái - QL 37 - Đường tỉnh 172 - UBND xã Chợ Chùa	50	60
20	2121.1117.A	TP Yên Bái	Yên Bình	Yên Bái	Thác Bà	BX Yên Bái - QL 37 - Bến xe Thác Bà	40	60
21	2121.1137.A	TP Yên Bái	Yên Bình	Yên Bái	Bạch Hà	BX Yên Bái - QL 37 - Đường tỉnh 170 - UBND xã Bạch Hà	60	60
22	2121.1121.A	TP Yên Bái	Yên Bình	Yên Bái	Cẩm Nhân	BX Yên Bái - QL 37 - Đường tỉnh 170 - UBND xã Cẩm Nhân	90	60
23	2121.1139.A	TP Yên Bái	Yên Bình	Yên Bái	Vũ Linh	BX Yên Bái - QL 37 - Đường tỉnh 170 - UBND xã Vũ Linh	70	60
24	2121.1140.A	Yên Bái	Văn Chấn	Yên Bái	TTNT Trần Phú	BX Yên Bái - QL 37 - Hợp Minh - Đường tỉnh 172- Đường tỉnh 173 - UBND TTNT Trần Phú	65	60
25	2121.1214.A	Lục Yên	Văn Yên	Lục Yên	Mậu A	BX Lục Yên - Tỉnh lộ 171 - QL 70 - Tân Nguyên - BX Mậu A	70	90
26	2121.1218.A	Lục Yên	Mù Cang Chải	Lục Yên	Mù Cang Chải	BX Lục Yên - Đường tỉnh 170 - QL 37 - Đường Âu Cơ - Vân Hội - Đại Lịch - Đường tỉnh 172 - Mỹ - QL 37 - QL 32 - BX Mùa Cang Chải	280	90
27	2121.1221.A	Lục Yên	Yên Bình	Lục Yên	Cẩm Nhân	BX Lục Yên - Đường tỉnh 170 - UBND xã Cẩm Nhân	40	60

28	2121.1314.A	Nghĩa Lộ	Văn Yên	Nghĩa Lộ	Mậu A	BX Nghĩa Lộ - QL 32 - QL 37 - Mỹ - Đường tỉnh 172 - Đại Lịch - Vân Hội - Đường Âu Cơ - QL 37 - Đường tỉnh 163 - Bến xe Mậu A	120	60
29	2121.1315.A	Nghĩa Lộ	Yên Bình	Nghĩa Lộ	Hương Lý	BX Nghĩa Lộ - QL 32- Ba Khe - Minh An - Chấn Thịnh - Đại Lịch - Vân Hội - Nút giao IC 12 - Đường Âu Cơ - QL 37 - BX Hương Lý	95	60
30	2121.1319.A	Nghĩa Lộ	Trạm Tầu	Nghĩa Lộ	Trạm Tầu	BX Nghĩa Lộ - Đường tỉnh 174 - Thị trấn Trạm Tầu	30	180
31	2121.1318.A	Nghĩa Lộ	Mù Cang Chải	Nghĩa Lộ	Mù Cang Chải	BX Nghĩa Lộ - QL 32 - BX Mù Cang Chải	100	180
32	2121.1331.A	Nghĩa Lộ	Văn Chấn	Nghĩa Lộ	Tú Lệ	BX Nghĩa Lộ - QL 32 - UBND xã Tú Lệ	50	90
33	2121.1332.A	Nghĩa Lộ	Văn Chấn	Nghĩa Lộ	Nậm Búng	BX Nghĩa Lộ - QL 32 - UBND xã Nậm Búng	30	60
34	2121.1333.A	Nghĩa Lộ	Mù Cang Chải	Nghĩa Lộ	Nậm Có	BX Nghĩa Lộ - QL 32 - UBND xã Nậm Có	55	60
35	2121.1334.A	Nghĩa Lộ	Mù Cang Chải	Nghĩa Lộ	Nậm Khắt	Bến xe Nghĩa Lộ - QL 32 - UBND xã Nậm Khắt	75	90
36	2121.1430.A	Văn Yên	Văn Yên	Mậu A	Đông An	BX Yên Bái - Đường tỉnh 163 - UBND xã Đông An	30	60
37	2121.1518.A	Yên Bình	Mù Cang Chải	Hương Lý	Mù Cang Chải	BX Hương Lý - QL 37 - Đường Âu Cơ - Vân Hội - Đường tỉnh 172 - QL 37 - QL 32 - BX Mùa Cang Chải	180	60

38	2121.1519.A	Yên Bình	Trạm Tầu	Hương Lý	Trạm Tầu	BX Hương Lý - QL 37 - Đường Âu Cơ - Vân Hội - Đại Lịch - Đường tỉnh 172 - Mỹ - QL 37 - QL 32 - Đường tỉnh 174 - Thị trấn Trạm Tầu	120	60
39	2121.1719.A	Yên Bình	Trạm Tầu	Thác Bà	Trạm Tầu	BX Thác Bà - Đường tỉnh 170 - QL37 - Đường Âu Cơ - Vân Hội - Đại Lịch - Đường tỉnh 172 - Mỹ - QL 37 - QL 32 - Đường tỉnh 174 - Thị trấn Trạm Tầu	140	90
40	2121.1718.A	Yên Bình	Mù Cang Chải	Thác Bà	Mù Cang Chải	BX Thác Bà - QL 37 - Đường Âu Cơ - Vân Hội - Đường tỉnh 173 - Mỹ - QL 37 - QL 32 - BX Mù Cang Chải	200	60
41	2121.3731.A	Văn Chấn	Văn Chấn	Chấn Thịnh	Tú Lệ	UBND xã Chấn Thịnh - Đường tỉnh 173 - QL 32 - UBND xã Tú Lệ	100	60